

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ



KẾ HOẠCH

**TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, LỚP 1, LỚP 6
NĂM HỌC 2024 - 2025 HUYỆN THANH TRÌ**

THANH TRÌ, THÁNG 5 NĂM 2024

Số: *188*/KH-UBND

Thanh Trì, ngày *09* tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024 - 2025
trên địa bàn huyện Thanh Trì**

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 05/2028/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 (*sau đây gọi tắt là Quy chế tuyển sinh*); Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường phổ thông dân tộc nội trú; Công văn số 801/BGDĐT-GDTrH ngày 28/02/2024 ngày 28/02/2024 về việc tuyển sinh lớp không chuyên Trường THPT chuyên Hà Nội – Amsterdam từ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ các văn bản của UBND Thành phố: Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND Thành phố về việc sửa đổi Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 910/UBND-KGVX ngày 02/4/2024 về việc công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 THPT năm học 2024-2025; Công văn số 963/SGDĐT-QLT ngày 03/4/2024 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024 -2025;

Căn cứ tình hình thực tế của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện Thanh Trì.

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các

trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024 - 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức phân tuyến hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

6. Thông qua công tác tuyển sinh nắm bắt cơ bản thông tin của học sinh, phân luồng học sinh và nhu cầu tâm tư nguyện vọng của phụ huynh để có kế hoạch phối hợp, hỗ trợ phụ huynh học sinh trong công tác giáo dục đào tạo.

B. NỘI DUNG

I. Tuyển sinh vào các trường mầm non

1. Phương thức và đối tượng

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Đối tượng tuyển sinh: Số trẻ em trong độ tuổi thuộc địa bàn phân tuyến tuyển sinh ban hành kèm theo kế hoạch tuyển sinh.

2. Độ tuổi dự tuyển

- Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyến tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư thuộc tuyến tuyển sinh theo quy định tại Điều 15, Điều lệ trường mầm non.

- Các trường phối hợp với UBND xã, thị trấn về công tác tuyển sinh; các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND xã, thị trấn tổ chức tuyên

truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyển sinh quy định. Trường hợp số trẻ đăng ký học tại trường vượt quá khả năng tiếp nhận, nhà trường phải ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyển sinh được giao và phải báo cáo kịp thời UBND huyện.

3. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

4. Thời gian tuyển sinh

4.1. Cấp mã số học sinh: Các trường mầm non hoàn thành việc cấp mã số tuyển sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 31/5/2024.

4.2. Thời gian tuyển sinh

4.2.1. Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024.

4.2.2. Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

* Lưu ý:

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tiếp thành công đến hết 17 giờ 00 ngày 18/7/2024.

- Các trường tư thực tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 01/6/2024 đến ngày 12/7/2024, đồng thời cập nhật trực tiếp hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh.

- Tuyển sinh bổ sung: Sau ngày **18/7/2024**, những trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu theo phân tuyến được giao phải báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện; căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, địa phương, Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện họp thống nhất phê duyệt cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ **ngày 21/7/2024 đến ngày 22/7/2024**.

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (*theo mẫu M02 gửi kèm*) các học sinh dự tuyển năm học 2024 - 2025 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn để rà soát, xác thực (*tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người*

giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Các trường cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống số điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2024.

5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

Thực hiện theo chỉ tiêu và đúng tuyển sinh do UBND huyện phê duyệt cho các trường (*phụ lục 1a đính kèm*).

6. Các trường mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

1. Phương thức và đối tượng

1.1. Phương thức và địa bàn tuyển sinh: Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển sinh do UBND huyện phê duyệt cho các trường trên địa bàn; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

1.2. Đối tượng dự tuyển vào lớp 6: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học.

** Đối với học sinh dự tuyển vào lớp 6 vào trường THCS Chu Văn An*

Thực hiện phương thức xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đối với trường THCS Chu Văn An ban hành kèm theo Quyết định của UBND huyện.

2. Độ tuổi dự tuyển

2.1. Lớp 1:

Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (*sinh năm 2018*). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

2.2. Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (*sinh năm 2013*);

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

3. Hồ sơ dự tuyển

3.1. Lớp 1:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

3.2. Lớp 6:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

+ Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

+ Quyết định cho phép học vượt lớp (*nếu có*);

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

4. Thời gian tuyển sinh

4.1. Cấp mã số học sinh: Các trường tiểu học, THCS hoàn thành việc cấp mã số tuyển sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 31/5/2024

4.2. Thời gian tuyển sinh:

4.2.1. Trường THCS Chu Văn An: Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp bắt đầu từ ngày 27/6/2024 đến hết ngày 01/7/2024.

4.2.2. Đối với các trường tiểu học, THCS tuyển sinh theo tuyển:

- **Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:**

+ Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024;

+ Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024;

- **Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp:** Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

4.2.3. Lưu ý:

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha mẹ học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2024.

- Các trường ngoài công lập tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 01/6/2024 đến ngày 12/7/2024.

- Tuyển sinh bổ sung: Sau ngày **18/7/2024**, những trường tuyển sinh chưa

đủ chỉ tiêu được giao phải báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện; căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, địa phương, Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện phê duyệt cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ **ngày 21/7/2024 đến ngày 22/7/2024**.

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (*theo mẫu M02*) các học sinh dự tuyển năm học 2024 – 2025 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn để rà soát, xác thực (*tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh*); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Các trường cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống số điểm điện tử chậm nhất ngày **23/7/2024**.

5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

Thực hiện theo chỉ tiêu và đúng tuyến tuyển sinh do UBND huyện phê duyệt cho các trường (*phụ lục 1b, phụ lục 1c đính kèm*).

6. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập

- Không phân tuyến tuyển sinh. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn của mỗi trường, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý theo đúng quy định, báo cáo phòng GD&ĐT;

- Căn cứ vào cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, phòng GD&ĐT giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường;

- Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của học sinh, cha mẹ học sinh trước khi làm thủ tục nhập học cho học sinh. Các trường tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở GD&ĐT.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phân công trách nhiệm

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

1.1. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo, phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024 -2025, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tuyển sinh.

1.2. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã (thị trấn), tổ (thôn), các khu dân cư để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển

sinh; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là cơ sở để phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

1.3. Triển khai kế hoạch tuyển sinh, tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn.

1.4. Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường trên địa bàn phụ trách.

1.5. Chủ động phối hợp với phòng Văn hóa thông tin công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS; trên cổng thông tin điện tử của Ngành, của huyện, các xã, thị trấn và phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất **30** ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

1.6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1; kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu tuyển sinh, phân tuyến tuyển sinh được UBND huyện phê duyệt, hạn chế cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh trên một lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

1.7. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu với UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (*đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định*), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều về chất lượng giáo dục giữa các trường. Phòng Giáo dục và Đào tạo phải có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường, đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất (*tránh tình trạng có trường tuyển sinh vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, trong khi đó có trường không tuyển đủ chỉ tiêu gây lãng phí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tạo bức xúc cho người dân và dư luận xã hội*).

1.8. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 - 2025 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến.

1.9. Tham mưu với UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; chủ động rà soát và hướng dẫn công dân thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Cư trú nếu xác định công dân cư trú thực tế nhưng chưa làm thủ tục cư trú hoặc có thông tin thay đổi thông tin cá nhân nhưng chưa cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.10. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về công tác tuyển sinh.

1.11. Công tác tuyển sinh là một tiêu chuẩn để đánh giá xếp loại thi đua các trường, đặc biệt đưa tiêu chí đạt tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến vào tiêu chí đánh giá thi đua của trường.

2. Các trường mầm non, tiểu học và THCS

2.1. Chủ động phối hợp với UBND và Công an các xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công và xác minh, làm rõ thông tin cư trú đối với những trường hợp phát sinh trong quá trình tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2024 - 2025 của trường, báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức hướng dẫn.

2.2. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng Giáo dục và Đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

2.3. Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại, ... theo mẫu M01*); không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

2.5. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kiểm tra thông

tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

2.6. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

2.7. Mỗi trường tham mưu đề xuất Hội đồng tuyển sinh trình Trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện - cơ quan quản lý trực tiếp ra Quyết định thành lập; thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

2.8. Tổ chức tuyển sinh

- Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, Số định danh cá nhân... trong Giấy khai sinh, Học bạ (đối với lớp 6). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: **“Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh”** sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng (Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh) ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng (Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh) nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

- Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

2.9. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

2.10. Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2024 - 2025 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo đúng quy định.

2.11. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

3. Công an huyện

Chủ động phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác tuyển sinh; chỉ đạo công an xã phối hợp với các nhà trường xác nhận thông tin cư trú của học sinh đăng ký tuyển sinh, có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Tăng cường tuyên truyền công khai Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 - 2025 trên trang thông tin điện tử của huyện, các xã, thị trấn và hệ thống đài phát thanh từ huyện, xã, thị trấn.

5. Trung tâm Y tế, Phòng Y tế

Chủ động, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch theo đúng chỉ đạo của Trung ương và Thành phố.

6. UBND xã, thị trấn

- Chỉ đạo Ban giám hiệu các nhà trường, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phối hợp điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 đúng tiến độ, chính xác. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về số liệu điều tra của đơn vị.

- Phối hợp với Phòng GDĐT huyện: Cung cấp thông tin về việc điều chỉnh địa giới hành chính, tổ dân phố, thôn làng để cập nhật kịp thời, chính xác trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu; chỉ đạo Ban giám hiệu các trường tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyển sinh đã được UBND huyện phê duyệt đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, tuyển đúng chỉ tiêu được giao.

- Thông tin truyền thông việc điều chỉnh địa giới hành chính, tổ dân phố, thôn làng ở địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho cha mẹ học sinh thực hiện đăng ký tuyển sinh cho học sinh; công bố công khai Kế hoạch tuyển sinh của huyện, nêu rõ việc phân tuyển tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường.

II. Chế độ báo cáo

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (*qua Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục*) về công tác tuyển sinh theo


lịch sau:

- Trước 17/5/2024: báo cáo Kế hoạch tuyển sinh.
- Ngày 24/5/2024: nộp Kế hoạch tuyển sinh của huyện.
- Ngày 20/7/2024: nộp Báo cáo nhanh về công tác tuyển sinh, đề xuất tuyển sinh bổ sung (nếu có).
- Ngày 31/7/2024: nộp Báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

2. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện về công tác tuyển sinh theo lịch sau:

- Trước ngày **10/5/2024**: Nộp kế hoạch tuyển sinh của các trường về Phòng GD&ĐT.
- Ngày **18/7/2024**: Báo cáo kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.

- Ngày **24/7/2024**: Nộp báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

Trên đây là Kế hoạch công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024 – 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các trường mầm non, tiểu học, THCS và các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu kỹ văn bản, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng Kế hoạch. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị cần báo cáo ngay UBND huyện (qua Phòng GD&ĐT) để có sự chỉ đạo, giải quyết kịp thời. 

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Chủ tịch UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn và các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Các trường MN, TH, THCS trên địa bàn;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hưng

**LỊCH CÔNG TÁC TUYỂN SINH
VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, LỚP 1 VÀ LỚP 6
NAM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

Thời gian	Đơn vị	Nội dung
Trước 31/3	Trường	Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên phần mềm cơ sở dữ liệu (mã học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, hộ khẩu thường trú, nơi cư trú thực tiễn, ...).
Chậm nhất 26/4	Trường	Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh báo cáo UBND xã, thị trấn để báo cáo UBND huyện qua Phòng GD&ĐT.
Trước 10/5	Trường	Nộp kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025 của trường cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.
Trước 17/5	Phòng GD&ĐT	Nộp kế hoạch tuyển sinh của huyện về Sở GD&ĐT đã được phê duyệt (file PDF).
Chậm nhất ngày 24/5	Phòng GD&ĐT	Hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp Sở GD&ĐT.
Trước 31/5	Trường MN, TH	Hoàn thành cấp mã (kèm mật khẩu) học sinh cho cha mẹ học sinh
Từ 01/6 đến 12/7	Trường ngoài công lập	Tổ chức tuyển sinh và hoàn thành cập nhật hồ sơ lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh.
Từ 08/6 đến 10/6	Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (lần 1).
Trước 14/6	Phòng GD&ĐT	Hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trong phần mềm tuyển sinh trực tuyến (nếu có).
Từ 15/6 - 17/6	Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, các trường, CMHS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (lần 2). Sở GD&ĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 18/6 đến 29/6 để chuẩn bị vận hành chính thức.
Từ 01/7-09/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tuyến đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến: - Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024; - Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024; - Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024.
Từ ngày 27/6 - 01/7	Trường THCS Chu Văn An	Tổ chức tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; Công khai danh sách học sinh trúng tuyển và trả hồ sơ cho những học sinh không đủ điều kiện trúng tuyển.
Từ 13/7-18/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến.
18/7	Trường MN, TH, THCS	Báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện (qua phòng GD&ĐT) kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.

Chậm nhất 19/7	Phòng GDĐT	Báo cáo Sở GD&ĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.
Từ 21/7-22/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyển (<i>đợt bổ sung - nếu có</i>).
23/7	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử
24/7	Trường MN, TH, THCS	Nộp Phòng GD&ĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh
31/7	Phòng GDĐT	Nộp Sở GDĐT Báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh

CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON - NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành theo Kế hoạch số 188 /KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

Loại hình	TT	Tên trường MN (CL/NCL)	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường năm học 2023-2024					Tổng số lớp hiện có năm học 23-24	Dự kiến chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025							Dự kiến HS toàn trường sau TS	Dự kiến số lớp sau tuyển sinh	Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực		
			Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi		MG 5 tuổi	Tổng cộng	Tổng số phòng học có đến thời điểm TS	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi				MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới
Công lập	1	A Thị trấn Văn Điển	38	64	95	126	135	458	13	78	127	149	151	518	15	15	18	52	52	21	5	148	515	15	Thị trấn Văn Điển: TDP Chợ, TDP Xóm Bến, TDP Ga
	2	B Thị trấn Văn Điển	42	95	120	125	143	525	36	95	121	141	118	511	15	20	32	48	12	11	2	105	498	16	Thị trấn Văn Điển: TDP Ga, TDP Pin; Xã Vĩnh Quỳnh: Tở dân phố số 5 (TDP 19/3-Công trường 4-TDP Quỳnh Lân) Thị trấn Văn Điển.
	3	C Thị trấn Văn Điển	37	41	64	92	97	331	0	60	101	97	112	370	10	10	25	35	25	25	0	110	368	10	Thị trấn Văn Điển: TDP Yên Ngưu, TDP Phần Lân -105, TDP Quốc Bảo.
	4	Đại Áng	64	213	220	200	233	930	21	77	126	158	156	538	19	19	0	84	71	68	15	238	620	19	Xã Đại Áng.
	5	A xã Đông Mỹ	20	40	66	91	95	312	12	58	79	100	84	333	9	9	15	40	18	18	11	102	351	12	Xã Đông Mỹ: Thôn 1, thôn 2.
	6	B xã Đông Mỹ	13	35	41	56	66	211	10	26	41	60	53	190	7	7	0	22	20	13	6	61	198	7	Xã Đông Mỹ: Thôn 3, thôn 4, thôn 5.
	7	Duyên Hà	30	56	68	76	95	325	44	53	73	95	112	377	18	18	30	24	23	10	0	87	352	17	Xã Duyên Hà.
	8	A xã Liên Ninh	25	30	91	107	131	384	0	56	101	106	105	368	11	11	0	36	46	11	25	118	381	11	Xã Liên Ninh: Thôn Thọ Am, Thôn Nội Am.
	9	B xã Liên Ninh	63	116	145	168	160	652	14	86	131	149	175	555	19	19	25	50	55	29	11	170	550	19	Xã Liên Ninh: Thôn Phương Nhị, Thôn Yên Phú, thôn Nhị Châu, TDP Cụm 591, TDP Khu C, TDP Cơ khí - Xây lắp số 7.
	10	A xã Ngọc Hồi	36	63	95	93	90	377	0	67	66	83	62	278	10	10	0	43	24	15	7	89	305	10	Xã Ngọc Hồi: Thôn Yên Kiện, Thôn Ngọc Hồi, TDP số 1, TDP số 2.
	11	B xã Ngọc Hồi	34	58	82	87	84	345	0	58	64	80	91	293	9	10	0	54	27	24	4	109	311	10	Xã Ngọc Hồi: Thôn Lạc Thị.
	12	A xã Ngũ Hiệp	91	124	300	439	302	1256	0	76	146	162	171	555	15	16	0	53	30	33	140	256	640	16	Xã Ngũ Hiệp: Thôn Lưu Phái, Thôn Tự Khoát, TDP Lưu Phái, Tở DP nhà công vụ, TDP C5- X55, TDP In Bộ Tổng tham mưu, TDP Trung Đoàn 17 (TDP E17), Chung cư Tecco sky, KĐG Từ Hiệp- Ngũ Hiệp.
	13	B Ngũ Hiệp	40	85	100	124	124	473	27	54	87	116	112	396	14	14	25	47	33	18	8	131	415	14	Xã Ngũ Hiệp: Thôn Tương Chúc; Thôn Đông Trạch; Thôn Việt Yên; Tập thể nhà công vụ.
	14	Tả Thanh Oai A	77	176	186	656	584	1679	0	66	149	196	189	600	19	30	0	62	70	50	18	200	611	19	Xã Tả Thanh Oai: Khu đô thị Đại Thanh, TDP Cầu Bươu, Thôn Tả Thanh Oai.
	15	Tả Thanh Oai B	94	129	203	243	300	959	18	116	152	166	198	650	20	20	0	94	44	48	12	198	650	20	Xã Tả Thanh Oai: Thôn Nhân Hoà, thôn Thượng Phúc, thôn Siêu Quán, thôn Tả Thanh Oai.
	16	Hữu Hòa	168	144	167	243	261	983	0	86	142	169	154	551	18	29	20	90	54	38	6	208	605	19	Xã Hữu Hoà.
	17	Yên Ngưu	45	76	78	89	114	402	5	71	85	80	92	333	12	12	10	22	16	15	34	97	338	12	Xã Tam Hiệp: Thôn Yên Ngưu.
	18	Từ Liệt	33	88	105	97	98	421	0	90	110	126	99	425	12	12	0	64	20	0	0	84	410	12	Xã Tam Hiệp: Thôn Từ Liệt (Thôn Từ Liệt + tập thể G1).

Loại hình	TT	Tên trường MN (CL/NCL)	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường năm học 2023-2024							Dự kiến chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025							Dự kiến HS toàn trường sau TS	Dự kiến số lớp sau tuyển sinh	Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực	
			Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Tổng số lớp hiện có năm học 23-24	Tổng số phòng học có đến thời điểm TS	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi				Tổng số chỉ tiêu tuyển mới
	19	Huỳnh Cung	66	104	110	123	132	535	29	64	91	105	116	405	12	12	25	20	33	16	27	121	410	12	Xã Tam Hiệp: Thôn Huỳnh Cung.
	20	Tân Triều	122	121	171	223	212	849	0	45	75	92	88	300	9	9	20	41	26	10	1	98	310	9	Xã Tân Triều: Thôn Triều Khúc (Xóm Lê, Xóm Ân), TDP số 3 (Xóm Mới), TDP số 4 (Chung cư EcoGreen - Chung cư Eco Dream), Toà nhà Housimco.
	21	Yên Xá	68	78	134	197	215	692	0	50	136	190	195	571	13	14	0	70	75	54	25	224	600	14	Xã Tân Triều: Thôn Yên Xá, TDP số 2, TDP số 5, TDP số 6, TDP số 7.
	22	Triều Khúc	154	244	278	289	263	1228		137	169	203	179	688	15	19	0	89	53	20	60	222	731	19	Xã Tân Triều: Thôn Triều Khúc (Xóm Đình, xóm Chùa, xóm Cầu), TDP số 1.
	23	A xã Thanh Liệt	52	103	152	211	250	768	17	106	175	218	172	688	20	20	20	73	46	25	32	196	712	20	Xã Thanh Liệt: Thôn Thượng, Thôn Nội, Thôn Trảng (xóm Giữa).
	24	B xã Thanh Liệt	47	94	156	253	255	805	0	74	181	185	183	623	18	20	0	60	56	42	70	228	668	18	Xã Thanh Liệt: Thôn Vực, Thôn Trảng, Thôn Văn, Tổ dân phố số 1 (tổ dân phố số 1 + 2), tổ dân phố số 2 (tổ dân phố số 3 + 4)
	25	A xã Tứ Hiệp	55	120	150	210	128	663	0	70	165	192	185	612	19	19	0	85	89	37	8	219	646	19	Xã Tứ Hiệp: Thôn Văn Điển, Thôn Cương Ngộ, TDP số 3 (Chung cư Tứ Hiệp Plaza); Tổ dân phố số 6 (CT13, CT15, CT16 khu đô thị Tứ Hiệp).
	26	B xã Tứ Hiệp	13	50	148	218	248	677	13	41	62	61	73	250	8	12	30	47	49	28	19	173	350	12	Xã Tứ Hiệp: Thôn Cổ Điện A (thôn Cổ Điện A, Khu TT3); thôn Cổ Điện B; thôn Đồng Trì; TDP số 4 (CT4, CT5, CT6); TDP số 5 (CT11, CT12); TDP số 7 (Chung cư IEC); Tecco Diamond.
	27	C xã Tứ Hiệp	24	85	118	245	277	749	0	60	175	220	230	685	17	17	0	60	63	50	57	230	685	17	Xã Tứ Hiệp: Thôn Cổ Điện A (Thôn Cổ Điện A, Khu BT3-1, Khu đấu giá quyền sử dụng đất; Khu BT2-1; Khu TT2; Khu TT3; Khu Tái định cư; TT6 khu đấu giá Tứ Hiệp- Ngũ Hiệp xã Tứ Hiệp); Chung cư Tecco Garden; Tổ dân phố Z179; Tổ dân phố D8;
	28	A xã Vạn Phúc	44	61	104	87	96	392	30	117	87	91	65	390	13	13	42	31	0	0	5	78	403	13	Xã Vạn Phúc: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 4.
	29	B xã Vạn Phúc	40	71	85	119	131	446	0	71	109	127	100	407	11	11	0	71	32	18	4	125	432	11	Xã Vạn Phúc: Thôn 3, Thôn 4.
	30	Quỳnh Đô	68	94	176	183	168	689	0	78	108	111	121	418	15	15	0	32	17	12	57	118	415	15	Xã Vĩnh Quỳnh: Thôn Quỳnh Đô, TDP số 1,2,3,4,5. Xã Vạn Phúc: Thôn 4
	31	Vĩnh Quỳnh	62	160	195	310	388	1115	0	146	185	233	213	777	25	40	50	92	34	55	155	386	950	31	Xã Vĩnh Quỳnh: Thôn Ích Vịnh, Thôn Vĩnh Ninh, TDP số 1, 2,3,4,5.
	32	Yên Mỹ	36	53	85	74	70	318	32	77	63	62	72	306	10	12	24	26	5	3	8	66	300	10	Xã Yên Mỹ
		CỘNG LẬP	1.801	3.071	4.288	5.854	5.945	20.959	321	2.409	3.682	4.323	4.226	14.961	457	514	411	1.717	1.218	817	832	4.995	15.730	478	
Ngoài CL	1	Tuổi Thân Tiên							0	52	52	57	61	222		8	0	50	3	3	3	59	220	8	Không phân tuyến tuyển sinh
	2	Tuổi TT-Đại Thanh							0	103	118	145	159	525	18	18	0	110	20	30	15	175	541	18	Không phân tuyến tuyển sinh
	3	Hoa Hồng							0	16	22	18	17	73	4	9	5	10	5	5	10	35	91	5	Không phân tuyến tuyển sinh

Loại hình	TT	Tên trường MN (CL/NCL)	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường năm học 2023-2024					Dự kiến chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025						Dự kiến HS toàn trường sau TS	Dự kiến số lớp sau tuyển sinh	Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực				
			Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Tổng số lớp hiện có năm học 23-24	Tổng số phòng học có đến thời điểm TS	Trẻ trong độ tuổi 18-24 tháng	Trẻ trong độ tuổi 24-36 tháng				MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới
	4	Vườn trẻ Thơ						0	66	92	97	95	350	16	18	0	100	35	20	15	170	425	17	Không phân tuyển tuyển sinh	
	5	Phạm Tu						0	39	40	29	45	153	8	20	15	20	20	15	12	82	190	9	Không phân tuyển tuyển sinh	
	6	Sao Mai						15	23	78	57	58	231	7	15	20	20	20	15	15	90	263	10	Không phân tuyển tuyển sinh	
	7	Đức Trí						18	45	30	46	34	173	8	8	7	10	5	10	4	36	175	8	Không phân tuyển tuyển sinh	
	8	Tuấn Linh						5	7	12	17	34	75	5	6	10	5	13	8	13	49	90	5	Không phân tuyển tuyển sinh	
	9	Tay Xinh						1	22	28	45	42	138	6	8	5	15	10	8	5	43	139	6	Không phân tuyển tuyển sinh	
	10	Tân Thời Đại						15	67	44	32	40	198	10	11	21	20	10	10	10	71	229	11	Không phân tuyển tuyển sinh	
	11	Tuổi Thơ Việt - Anh						3	19	33	18	30	103	6	10	3	15	4	5	5	32	105	6	Không phân tuyển tuyển sinh	
	12	Bé yêu IEC						5	64	67	54	30	220	12	13	13	1	2	8	15	39	229	13	Không phân tuyển tuyển sinh	
	13	Hoàng Gia Anh													10	15	18	25	25	25	108	108	5	Không phân tuyển tuyển sinh	
	Tổng ngoài công lập			0	0	0	0	0	62	523	616	615	645	2.461	100	154	114	394	172	162	147	989	2.805	121	
TỔNG TOÀN HUYỆN			1.801	3.071	4.288	5.854	5.945	20.959	383	2.932	4.298	4.938	4.871	17.422	557	668	525	2.111	1.390	979	979	5.984	18.535	599	

CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH VÀO LỚP 1 - NĂM HỌC 2024-2025

(Ban hành theo Kế hoạch số 188 /KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

TT	Trường Tiểu học	Số phòng học hiện có đến tháng 9/2024	Năm học 2023-2024		Số trẻ SN 2018 qua điều tra trên địa bàn	Tuyển sinh năm học 2024-2025						Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực
			Số lớp	Số HS		Khối 1			Toàn trường			
						Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Tổng số HS	Tổng số lớp	TB số HS/lớp	
1	A Thị trấn VD	34	34	1528	275	6	275	46	1519	34	45	Thị trấn Văn Điển: Tò dân phố Ga, Tò dân phố Chợ, Tò dân phố xóm Bến; Xã Tứ Hiệp: Tò dân phố D8
2	B Thị trấn VD	32	32	1394	295	6	295	49	1399	32	44	Thị trấn Văn Điển: TDP Quốc Bảo, TDP Yên Ngưu, TDP Pin, TDP Phân Lân -105; Xã Tam Hiệp: Thôn Yên Ngưu.
3	Đại Áng	30	28	1313	315	7	315	45	1347	29	46	Xã Đại Áng
4	Đông Mỹ	36	25	852	160	5	160	32	819	25	33	Xã Đông Mỹ; Xã Duyên Hà: Thôn Tân Hà.
5	Duyên Hà	14	11	384	124	3	102	34	400	11	36	Xã Duyên Hà
6	Hữu Hòa	34	34	1445	318	7	318	45	1472	34	43	Xã Hữu Hòa
7	Liên Ninh	30	24	1024	202	5	202	40	1001	24	42	Xã Liên Ninh: Thôn Yên Phú, Phương Nhị, Nhị Châu, TDP Cơ khí Liên Ninh; TDP Cụm 591.
8	Tạ Hoàng Cơ	30	16	570	140	4	140	35	601	17	35	Xã Liên Ninh: Thôn Thọ Am, Nội Am, Phương Nhị, Tò dân phố cơ khí Liên Ninh.
9	Ngọc Hồi	29	29	1257	248	6	248	41	1229	29	42	Xã Ngọc Hồi: Thôn Ngọc Hồi, Yên Kiện, Lạc Thị. Xã Vạn Phúc: Thôn 4 Vạn Phúc. Xã Vĩnh Quỳnh: TDP ô tô số 8.
10	Ngũ Hiệp	33	32	1306	245	6	245	41	1302	32	41	Xã Ngũ Hiệp: Thôn Tự Khoát, Tương Chúc, Đông Trạch, Việt Yên. Xã Ngọc Hồi: TDP số 1, TDP số 2.
11	Vũ Lăng	28	28	1170	270	6	250	42	1196	28	43	Xã Ngũ Hiệp: Thôn Tự Khoát, Thôn Lưu Phái, TDP Lưu Phái, TDP Trung đoàn 17 (TDP E17), TT nhà công vụ X55, TDP C5, TDP In Bộ Tổng tham mưu, Chung cư Tecco Skyville, Khu đấu giá quyền sử dụng đất Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp; Xã Vĩnh Quỳnh: TDP 2, TDP 3, TDP 4; Xã Ngọc Hồi: TDP số 1, TDP số 2.
12	Đỗ Ngọc Du	34	32	1461	539	9	420	47	1632	34	48	Xã Tả Thanh Oai: Thôn Thượng Phúc, Nhân Hòa, Siêu Quần, Khu đô thị Đại Thanh (TDP số 8, TDP số 10)
13	Ngô Thị Nhậm	34	33	1635	361	7	350	50	1685	34	50	Xã Tả Thanh Oai: Thôn Tả Thanh Oai; TDP Cầu Bươu
14	Tam Hiệp	26	24	966	335	5	200	40	955	24	40	Xã Tam Hiệp
15	Tân Triều	25	18	692	231	7	231	33	777	19	41	Xã Tân Triều: Thôn Triều Khúc; TDP số 1 đường Chiến Thắng; TDP số 3; TDP số 4 (Eco Green, Eco Dream).

16	Triều Khúc	30	19	741	237	6	237	40	854	21	41	Xã Tân Triều: Thôn Triều Khúc; Tòa nhà Housimco; TDP số 4 (Eco Green, Eco Dream); TDP số 7 (tổng cục V).
17	Yên Xá	28	27	1143	241	6	241	40	1191	28	43	Xã Tân Triều: Thôn Yên Xá, TDP số 2 Cầu Bươu, TDP số 5 (CT5), TDP số 6 (viện 103).
18	Thanh Liệt	30	34	1606	336	7	336	48	1684	35	48	Xã Thanh Liệt: Thôn Tràng, thôn Vực, thôn Văn, Tổ dân phố số 1.
19	Phạm Tu	28	31	1441	302	7	302	43	1465	32	46	Xã Thanh Liệt: Thôn Thượng, thôn Nội và tổ dân phố số 2.
20	Tứ Hiệp	38	35	1744	380	8	380	48	1851	38	49	Xã Tứ Hiệp: Thôn Đồng Tri, Thôn Cỏ Điền B, thôn Văn Điền, thôn Cương Ngõ, TDP số 3-Tứ Hiệp Plaza, TDP số 4-CT4,5,6 Khu Đô thị mới Tứ Hiệp, TDP số 5-CT11,12 Khu Đô thị mới Tứ Hiệp, TDP số 6-CT13,15,16 Khu Đô thị mới Tứ Hiệp.
21	Ngô Sĩ Kien	38	38	1745	385	8	385	48	1747	38	46	Xã Tứ Hiệp: Thôn Cỏ Điền A, TDP Z179, Tổ dân phố số 7 (Chung cư IEC), Tecco Garden; Tecco Diamond; Khu BT3-1, Khu đấu giá quyền sử dụng đất, Khu TT2, Khu TT3, Khu BT2-1, Khu Tái định cư (khu tái định cư I20).
22	Vạn Phúc	34	33	1278	215	6	215	36	1253	34	37	Xã Vạn Phúc
23	Vĩnh Quỳnh	45	49	2224	498	10	450	45	2219	49	45	Xã Vĩnh Quỳnh
24	Yên Mỹ	14	11	448	85	2	85	43	439	11	40	Xã Yên Mỹ
25	Dạy trẻ KT	12	10	99		6	62	10	114	11	10	Toàn địa bàn huyện Thanh Trì
Tổng cộng		746	687	29.466	6.727	155	6.434	41,5	30.141	703	42,9	

CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 - NĂM HỌC 2024-2025

(Ban hành theo Kế hoạch số 188 /KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

STT	Trường THCS	Số phòng học có đến thời điểm tháng 9/2024	Năm học 2023 - 2024		Số trẻ sinh năm 2013 qua điều tra trên địa bàn	Tuyển sinh năm học 2024 - 2025						Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực
			Số lớp	Số HS		Khối 6			Số HS toàn trường sau TS			
						Số lớp	Số HS	Số hs/lớp	Tổng số HS	Tổng số lớp	TB HS/lớp	
1	Chu Văn An	32	32	1205		8	280	35	1188	32	37	HS đủ điều kiện theo Quy chế TS trường Chu Văn An
2	TT Văn Điển	50	48	2058	585	13	585	45	2188	50	44	Thị trấn Văn Điển
3	Đại Áng	30	29	1182	310	7	310	44	1233	30	41	Xã Đại Áng
4	Đông Mỹ	24	20	744	206	5	206	41	776	20	39	Xã Đông Mỹ và thôn Tân Hà xã Duyên Hà
5	Duyên Hà	9	9	335	121	3	101	34	360	10	36	Xã Duyên Hà
6	Hữu Hòa	46	23	889	245	6	245	41	967	24	40	Xã Hữu Hòa
7	Liên Ninh	28	32	1277	405	9	405	45	1400	34	41	Xã Liên Ninh
8	Ngọc Hồi	45	24	951	295	7	290	41	1017	26	39	Xã Ngọc Hồi; thôn 4 Vạn Phúc; Tổ dân phố 1.2.3.4 xã Vĩnh Quỳnh
9	Ngũ Hiệp	40	40	1675	492	11	492	45	1807	41	44	Xã Ngũ Hiệp; Tổ dân phố số 1,2 xã Ngọc Hồi
10	Tả Thanh Oai	47	47	2122	730	16	730	46	2352	49	48	Xã Tả Thanh Oai
11	Tam Hiệp	24	22	869	342	7	280	40	930	24	39	Xã Tam Hiệp
12	Tân Triều	41	31	1162	691	13	570	44	1472	37	40	Xã Tân Triều
13	Thanh Liệt	45	45	1945	537	11	495	45	2015	45	45	Xã Thanh Liệt
14	Tứ Hiệp	35	35	1500	647	14	630	45	1820	40	46	Xã Tứ Hiệp
15	Vạn Phúc	32	27	1050	273	7	273	39	1085	28	39	Xã Vạn Phúc
16	Vĩnh Quỳnh	45	41	1464	419	11	418	38	1558	43	36	Xã Vĩnh Quỳnh
17	Yên Mỹ	15	9	318	94	3	94	31	338	9	38	Xã Yên Mỹ
Tổng công lập		588	514	20.746	6.392	151	6.404	42,4	22.506	542	42	



QUY CHẾ
Tuyển sinh trường THCS Chu Văn An

Chương I
QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

Điều 1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi theo quy định và có ít nhất 4 năm đạt kết quả giáo dục “Hoàn thành Xuất sắc” nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong 5 năm cấp tiểu học.

Điều 2. Phương thức tuyển sinh

1. Tuyển thẳng

Học sinh đạt giải cá nhân về văn hóa cấp Quốc tế, Quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Thành phố (các giải do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức).

2. Tổ chức xét tuyển

Tổ chức xét tuyển đối với những học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, có hồ sơ dự tuyển hợp lệ. Hội đồng tuyển sinh tiến hành tính điểm xét tuyển của học sinh từ hồ sơ dự tuyển. Căn cứ vào số điểm đạt được của học sinh, số học sinh trúng tuyển sẽ được lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu được giao.

Tổng điểm xét tuyển bao gồm

1.1. Điểm kết quả học tập các năm học: Điểm kiểm tra định kỳ cuối năm môn Toán, môn Tiếng Việt (lớp 1, 2, 3, 4, 5); môn Tiếng Anh và môn Tin học (lớp 3, 4, 5); môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý (lớp 4, 5).

1.2. Điểm ưu tiên: Dành cho con của các đối tượng được hưởng chế độ chính sách của nhà nước.

1.3. Điểm khuyến khích: Dành cho những học sinh đạt giải cá nhân trong các cuộc thi về văn hóa, thể dục thể thao hoặc các cuộc thi khác do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT Thanh Trì tổ chức hoặc phối hợp tổ chức (từ lớp 1 đến lớp 5).

**Điểm xét tuyển = Điểm kết quả học tập từ lớp 1 đến lớp 5 + Điểm khuyến khích
+ Điểm ưu tiên**

Lưu ý: Kết quả học tập; điểm ưu tiên; điểm khuyến khích được quy đổi thành điểm theo phụ lục đính kèm.

Điều 3. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký dự xét tuyển (*theo mẫu của trường*);
- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- Căn cước công dân của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (*Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực*).
- Học bạ Tiểu học (*bản gốc*);
- Trích ngang sơ yếu lí lịch (*theo mẫu của trường*);
- Bản photo giấy chứng nhận thành tích hoặc các minh chứng để xác định điểm ưu tiên, khuyến khích (*kèm theo bản gốc để đối chiếu*).

Điều 4. Hội đồng tuyển sinh (HĐTS)

4.1. Phòng GD&ĐT huyện ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) điều hành công việc liên quan đến công tác xét tuyển theo đúng các tiêu chí đã được UBND huyện Thanh Trì phê duyệt. Thành phần của HĐTS trường gồm:

- Chủ tịch: Hiệu trưởng.
- Phó chủ tịch: Các Phó Hiệu trưởng.
- Các Ủy viên: Các tổ chuyên môn, đại diện Công đoàn, Thanh Tra nhân dân, trưởng bộ phận công nghệ thông tin.

** Lưu ý: Những người có con, em ruột; con, em ruột của vợ hoặc của chồng dự xét tuyển vào lớp 6 không được tham gia HĐTS.*

4.2. HĐTS làm việc đúng thành phần, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định:

- Tổ chức xét tuyển theo hướng dẫn của UBND huyện Thanh Trì.
- Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời theo đúng quy định.
- Giải đáp thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh.
- Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

Điều 5. Hình thức và thời gian tuyển sinh

Tuyển sinh trực tiếp theo khung thời gian trong Hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 - 2025 của Sở GD&ĐT Hà Nội.

Điều 6. Hồ sơ duyệt tại Ban chỉ đạo tuyển sinh của huyện gồm

- Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh.
- Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2024-2025.
- Quy chế, quy trình tuyển sinh vào lớp 6.
- Danh sách học sinh xét trúng tuyển (*kèm hồ sơ tuyển sinh*).

Điều 7. Công nhận học sinh trúng tuyển

7.1. Học sinh trúng tuyển là những học sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng và những học sinh đạt điểm xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được giao.

7.2. Trong trường hợp những học sinh có điểm xét tuyển bằng nhau (*trường hợp tuyển hết sẽ vượt chỉ tiêu*): Nhà trường căn cứ thứ tự ưu tiên theo thứ tự (1), (2), (3) để tuyển đủ chỉ tiêu:

(1) Ưu tiên HS là con: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, chiến sĩ đang công tác tại biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số.

(2) Cộng tổng điểm khuyến khích của toàn bộ các giải thưởng học sinh đạt được trong các cuộc thi từ lớp 1 đến lớp 5 và xếp thứ tự từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu. Điểm khuyến khích được tính theo quy đổi nêu trên đối với từng loại giải và các cấp chứng nhận giải.

(3) Căn cứ vào tổng điểm các môn Toán, Tiếng Việt (lớp 1, 2, 3, 4, 5) và các môn Tiếng Anh, Tin học (lớp 3, 4, 5) và xếp thứ tự từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu.

Điều 8. Kinh phí tuyển sinh

Thực hiện theo Hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 của Sở GD&ĐT Hà Nội.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TIẾP NHẬN HỌC SINH CHUYỂN TRƯỜNG

Điều 9. Điều kiện tiếp nhận

Chỉ tiếp nhận học sinh chuyển đến trong trường hợp trường còn chỉ tiêu tuyển sinh ở các khối lớp tương ứng.

Điều 10. Đối tượng tiếp nhận

- Đối với học sinh lớp 6 chuyển đến sau thời điểm tuyển sinh đầu năm học: Hội đồng tuyển sinh tiến hành xét duyệt hồ sơ học sinh. Học sinh được tiếp nhận phải đảm bảo các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và có tổng điểm xét tuyển hồ sơ nằm trong diện trúng tuyển của kỳ tuyển sinh đầu năm học.

- Đối với học sinh khối 7, 8, 9: Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét duyệt hồ sơ. Học sinh được tiếp nhận phải có đủ các điều kiện sau:

+ Đối với học sinh đang học tập trên địa bàn huyện: đạt học lực giỏi, hạnh kiểm tốt trong năm học liền kề trước đó và đạt giải cá nhân về văn hóa từ giải Nhì cấp huyện trở lên (*các giải do Phòng GD&ĐT tổ chức; Sở GD&ĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức*).

+ Đối với học sinh đang học ngoài địa bàn huyện đạt học lực giỏi, hạnh kiểm tốt trong năm học liền kề trước đó và đạt giải cá nhân về văn hóa từ giải Khuyến khích cấp thành phố trở lên (*các giải do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức*).

Điều 11. Hồ sơ duyệt tại Ban chỉ đạo tuyển sinh của huyện gồm

- Tờ trình về việc tiếp nhận học sinh chuyển đến;
- Danh sách học sinh trình xét duyệt (kèm hồ sơ).

**CHƯƠNG III.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12.

- Thực hiện tuyển sinh lớp 6 và tiếp nhận học sinh chuyển trường theo kế hoạch được giao đảm bảo số học sinh/lớp theo đúng Điều lệ trường phổ thông.
- Chuẩn bị tốt các điều kiện đón học sinh lớp 6 vào trường, quán triệt giáo viên nhà trường không tổ chức dạy trước chương trình cho học sinh dưới bất kì hình thức nào.

Điều 13.

- Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu phát sinh các trường hợp cá biệt, Hội đồng tuyển sinh báo cáo Ban chỉ đạo xem xét quyết định.
- Quy chế này được Ban chỉ đạo rà soát, cập nhật, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với Quy chế tuyển sinh của thành phố và điều kiện thực tế của huyện./.

TÍNH ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

(Ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh trường THCS Chu Văn An)

I. Điểm quy đổi từ kết quả học tập (Điểm bài kiểm tra cuối năm học)

Lớp	Môn học	Điểm tối đa mỗi môn	Điểm quy đổi (bằng điểm môn học/ 2)	Tổng điểm tối đa mỗi năm học
1	Toán	10	5	10 điểm
	Tiếng Việt	10	5	
2	Toán	10	5	10 điểm
	Tiếng Việt	10	5	
3	Toán	10	5	20 điểm
	Tiếng Việt	10	5	
	Tiếng Anh	10	5	
	Tin học	10	5	
4	Toán	10	5	30 điểm
	Tiếng Việt	10	5	
	Tiếng Anh	10	5	
	Tin học	10	5	
	Khoa học	10	5	
	Lịch sử & Địa lý	10	5	
5	Toán	10	5	30 điểm
	Tiếng Việt	10	5	
	Tiếng Anh	10	5	
	Tin học	10	5	
	Khoa học	10	5	
	Lịch sử & Địa lý	10	5	
Tổng điểm tối đa 5 năm học				100 điểm

II. Quy đổi điểm ưu tiên

TT	Đối tượng hưởng điểm ưu tiên	Điểm cộng thêm	Ký hiệu
1	- Con liệt sĩ; - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; - Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.	5,0 điểm	UT1
2	- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;	2,5 điểm	UT2

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.		
--	--	--

III. Quy đổi điểm khuyến khích

Là điểm học sinh đạt từ các giải thưởng cá nhân về Văn hóa hoặc TDTT... trong các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì hoặc phối hợp tổ chức.

Lưu ý:

- Các loại giải thưởng nhận huy chương được tính tương đương như sau: Vàng (Nhất); Bạc (Nhì); Đồng (Ba).
- Học sinh đạt nhiều giải thưởng cùng một nội dung trong một năm học thì được hưởng 01 (một) mức cộng điểm áp dụng cho loại giải thưởng cao nhất.

1. Đối với các giải thưởng về Văn hóa

1.1. Các giải thưởng về Văn hóa do Sở GD, Phòng GD huyện Thanh Trì trực tiếp tổ chức.

Nội dung	Cấp chứng nhận giải	Giải	Điểm quy đổi	Ký hiệu
Giao lưu học sinh năng khiếu	Huyện	Nhất	25	A.QHVH1
		Nhì	20	A.QHVH2
		Ba	15	A.QHVH3
		Khuyến khích	10	A.QHVH4
Olympic Tiếng Anh	Thành phố	Khuyến khích	35	B.TPVH4
	Huyện	Nhất	15	B.QHVH1
		Nhì	12	B.QHVH2
		Ba	10	B.QHVH3
		Khuyến khích	8	B.QHVH4

1.2. Các giải thưởng về Văn hóa do Sở GD, Phòng GD huyện Thanh Trì phối hợp tổ chức.

Nội dung	Cấp chứng nhận giải	Giải	Điểm quy đổi	Ký hiệu
Tin học trẻ	Thành phố	Khuyến khích	15	C.TPVH4
	Huyện	Nhất	5	C.QHVH1
		Nhì	4	C.QHVH2
		Ba	3	C.QHVH3
		Khuyến khích	2	C.QHVH4

Vioedu <i>(Chỉ Phòng GD&ĐT phối hợp TC, Sở GD&ĐT không phối hợp TC)</i>	Thành phố	Nhất	5	D.TPVH1
		Nhì	4.5	D.TPVH2
		Ba	4.25	D.TPVH3
		Khuyến khích	4.0	D.TPVH4
	Huyện	Nhất	3.5	D.QHVH1
		Nhì	3	D.QHVH2
		Ba	2.5	D.QHVH3
		Khuyến khích	2	D.QHVH4

2. Đối với các giải thưởng về Thể dục thể thao và các cuộc thi khác (Kỹ năng sống, đại sứ văn hóa đọc, viết thư quốc tế UPU...)

Cấp chứng nhận giải	Giải	Điểm quy đổi	Ký hiệu
Quốc gia	Nhất	5	QGTTK1
	Nhì	4.5	QGTTK2
	Ba	4.25	QGTTK3
	Khuyến khích	4	QGTTK4
Thành phố	Nhất	3.5	TPTTK1
	Nhì	3.25	TPTTK2
	Ba	3.0	TPTTK3
	Khuyến khích	2.5	TPTTK4
Huyện	Nhất	2	QHTTK1
	Nhì	1.5	QHTTK2
	Ba	1	QHTTK3
	Khuyến khích	0.5	QHTTK4

PHIẾU KÊ KHAI THÔNG TIN HỌC SINH

(Để đảm bảo quyền lợi tuyển sinh của học sinh, đề nghị phụ huynh kê khai đầy đủ và chính xác những thông tin dưới đây)

Trường: Lớp:

- 1) Họ và tên học sinh (**VIẾT CHỮ IN HOA**):
- 2) Giới tính (*Nam/Nữ*): 3) Dân tộc:
- 4) Ngày sinh: 5) Nơi sinh (tỉnh/thành phố):
- 6) Đối tượng chính sách: 7) Học sinh khuyết tật:
- 8) Nơi thường trú:
- 8.1) Tỉnh/thành phố:
- 8.2) Quận/huyện:
- 8.3) Phường/xã/thị trấn:
- 8.4) Tổ/thôn:
- 8.5) Khu phố/xóm:
- 9) Nơi ở hiện tại:
- 9.1) Tỉnh/thành phố:
- 9.2) Quận/huyện:
- 9.3) Phường/xã/thị trấn:
- 9.4) Tổ/thôn:
- 9.5) Khu phố/xóm:
- 9.6) Số nhà/ngõ/ngách:
- 10) Số định danh cá nhân của học sinh:

Tôi cam đoan những thông tin kê khai trong phiếu này là đúng sự thật.

Quan hệ của người kê khai với học sinh

(Cha/Mẹ/Người giám hộ)

Hà Nội, ngày tháng năm

NGƯỜI KÊ KHAI

(ký và ghi rõ họ tên)

Số ĐT người kê khai:

Lưu ý: CMHS nộp phiếu này cho
nhà trường chậm nhất ngày .../.../...**Hướng dẫn kê khai: Đề nghị CMHS ghi bằng bút mực MÀU XANH**

- 1) Họ và tên học sinh: Viết đầy đủ Họ, đệm và tên học sinh bằng chữ IN HOA.
- 5) Nơi sinh: Chỉ ghi tên tỉnh/thành phố.
- 6) Đối tượng chính sách: Hộ nghèo/GĐ liệt sĩ/GĐ có công với cách mạng/GĐ có người là lão thành cách mạng/GĐ tham gia kháng chiến. ... *Bỏ trống nếu không thuộc diện đối tượng chính sách.*
- 7) Học sinh khuyết tật: KT nhìn/KT vận động/KT nghe/... *Bỏ trống nếu không thuộc diện khuyết tật.*
- 8) Nơi thường trú: là nơi học sinh sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.
- 9) Nơi ở hiện tại: là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà học sinh đang thường xuyên sinh sống.
- 10) Số định danh cá nhân của học sinh: Gồm 12 số do cơ quan Công an cấp.

UBND QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ:.....

TRƯỞNG:.....

DANH SÁCH XÁC NHẬN THÔNG TIN HỌC SINH ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH NĂM HỌC 2024-2025

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú				Nơi ở hiện tại				Xác thực của Công an phường/xã/thị trấn		Ghi chú		
				Thành phố/Tỉnh	Quận/Huyện	Phường/Xã/Thị trấn	Tổ/Thôn	Khu phố/Xóm	Quận/Huyện	Phường/Xã/Thị trấn	Tổ/Thôn	Khu phố/Xóm	Số nhà/ngõ/ngách		Thông tin đúng	Thông tin sai (nếu rõ nội dung sai)

Danh sách gồm: Học sinh

..... ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

..... ngày tháng năm 2024

CÔNG AN PHƯỜNG/XÃ/THỊ TRẤN

(Ký, ghi rõ họ và tên)